TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 162/2023/DS-ST
Ngày: 21-7-2023
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Cẩm Bình

2. Ông Hà Bửu Khánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Trương Hồng Diễm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 54/2023/TLST-DS, ngày 09 tháng 3 năm 2023 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 131/2023/QĐXXST-DS, ngày 04 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Thái Thị Ng, sinh năm: 1959 (có mặt) và chị Thái Tr Tr, sinh năm: 1988 (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp NVT, xã TL, huyện GR, tỉnh KG

Bị đơn: Chị Huỳnh Ngọc K, sinh năm: 1981 (có mặt)

Địa chỉ: ấp TT, xã TH, huyen GR, tỉnh KG

- Anh Lê Văn U, sinh năm: 1977 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp TH, xã Tl, huyện GR, tỉnh KG

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên Tòa, nguyên đơn bà Thái Thị Ng và chị Thái Tr Tr trình bày: Vào ngày 24/8/2016 anh U và chị K có hỏi vay của bà số tiền gốc là 100.000.000 đồng, tiền lãi là 30.000.000 đồng / 01 triệu /01 tháng. Anh U và chị K có hứa sẽ góp hàng tháng, khi nào bà thu hồi số tiến gốc thì cho hay trước 15

ngày. Việc thỏa thuận vay tiền có làm biên nhận thể hiện tại " giấy nhận nợ" ngày 24/8/2016. Tại giấy nhận nợ, chị Tr là người giao tiền cho anh U, chị K và cả hai cùng ký tên vào biên nhận, người chứng kiến là bà Ng. Tuy nhiên, số tiền này là thuộc quyền sở hữu của bà Ng. Nhưng do anh U- chị K bị vỡ nợ nên số tiền đến nay chưa trả. Sau đó anh U có trả góp mỗi tháng cho bà 500.000 đồng và đã trả được số tiền là 17.500.000 đồng và không thực hiện việc giao trả nữa. Xét thấy quyền và lợi ích hợp pháp của bà và chị Tr bị xâm phạm nên bà và chị khởi kiện yêu cầu anh U, chị K cùng liên đới chịu trách nhiệm trả số nợ còn lại là 82.500.000 đồng, mỗi người trả một nữa, trả một lần trong thời gian sớm nhất, bà không yêu cầu tính lãi. Bà Ng và chị Tr rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 17.500.000 đồng mà anh U đã trả.

Tại bản tự khai, bị đơn anh Lê Văn U trình bày: Anh thừa nhận trước đây khi vợ chồng chưa ly hôn có hỏi vay của bà Ng và chị Tr số tiền là 100.000.000 đồng gốc có làm giấy nhận nợ và ký tên vào giấy nhận nợ. Chị Tr là người giao số tiền trên cho vợ chồng anh nhưng thực chất việc thỏa thuận vay tiền là với bà Ng. Đến ngày 25/6/2018, anh và chị K ly hôn do bị vỡ nợ nên anh có gặp bà Ng thỏa thuận là sẽ chịu trách nhiệm trả khoản nợ trên cho bà, bà Ng đồng ý nên anh đã góp trả hàng tháng cho bà được tổng số tiền là 17.500.000 đồng, mỗi tháng góp 500.000 đồng nhưng do dịch bệnh covid 19, anh không làm được nên không tiếp tục thực hiện việc góp trả hàng tháng cho bà Ng và chị Tr. Anh đồng ý chịu trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ gốc còn lại là 82.500.000 đồng cho bà Ng và chị Tr, đề nghị không buộc chị K phải liên đới chịu trách nhiệm trả.

Tại bản khai cũng như tại phiên tòa, bị đơn chị Huỳnh Ngọc K trình bày: Chị thừa nhận trước khi ly hôn với anh U, chị và anh U có hỏi vay của bà Ng số tiền gốc là 100.000.000 đồng, có làm giấy nhận nợ, chị và anh U cùng ký tên vào giấy nhận nợ. Số tiền trên là do chị Tr đưa cho vợ chồng chị nhưng thực chất việc thỏa thuận vay với bà Ng. Tuy nhiên, đến ngày 25/6/2018, chị và anh U ly hôn đã được Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng giải quyết bằng Quyết định số 162/2018/QĐST – HNGĐ ngày 03/7/2018. Theo quyết định trên thì về tài sản và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, giữa chị và anh U có thỏa thuận, chị chịu trách nhiệm nuôi hai con, anh U không phải cấp dưỡng. Anh U sẽ chịu trách nhiệm trả các khoản nợ chung của vợ chồng. Chính có sự thỏa thuận trên, nên anh Út đã thỏa thuận với bà Ng mỗi tháng góp cho bà 500.000 đồng và anh U đã góp được số tiền là 17.500.000 đồng. Chị thừa nhận còn nợ bà Ng số tiền là 82.500.000 đồng nhưng không đồng ý chịu trách nhiệm trả số nợ trên cho bà Ng và chị Tr vì số nợ này chị và anh U đã thỏa thuận chuyển giao nghĩa vụ cho anh U chịu trách nhiệm trả cho bà Ng sau khi chị và anh U ly hôn, bà Ng cũng biết và đã nhận số tiền là 17.500.000 đồng mà anh U đã thực hiện nghĩa vụ góp trả hàng tháng cho bà Ng và chị Tr

Phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự trong vụ án được thực hiện đúng trình tự thủ tục do pháp luật tố tụng dân sự quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Tại phiên toà, các nguyên đơn bà Thái Thị Ng và chị Thái Tr Tr xác định: anh U và chị K có vay của các nguyên đơn số tiền gốc 100.000.000 đồng, có làm biên nhận anh U- chị K cùng ký tên vào giấy nhận nợ. Sau đó, anh U đã góp hàng tháng cho nguyên đơn bà Ng được số tiền gốc là 17.500.000 đồng, còn lại nợ lại 82.500.000 đồng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên bà Ng và chị K yêu cầu Toà án giải quyết buộc anh U, chị K mỗi người cùng chịu trách nhiệm trả lại một nửa số tiền là 41.250.000 đồng của số tiền vốn gốc còn nợ là 82.500.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Chị Tr, bà Ng không đồng ý việc vợ chồng anh U, chị K tự thỏa thuận việc giao toàn bộ nợ cho anh anh U trả nợ khi ly hôn mà không có ý kiến đồng thuận của các nguyên đơn. Phía bị đơn anh U, chị K cũng thừa nhận có hỏi vay bà Ng, chị Tr số tiền là 100.000.000 đồng và có làm biên nhận, vợ chồng cùng ký tên, anh U cũng đã góp được số tiền là 17.500.000 đồng, còn nợ lại 82.500.000 đồng, anh U đồng ý chịu trách nhiệm trả toàn bộ nhưng phía chị K không đồng ý chịu trách nhiệm trả một nửa số tiền trên theo yêu cầu của các nguyên đơn. Chị K xác định chị đã ly hôn với anh U và đã thoả thuận giao tài sản cho anh U và anh U chịu trách nhiệm trả toàn bộ nợ chung của vợ chồng. Xét yêu cầu của các nguyên đơn nhận thấy:

Anh U, chị K thống nhất có vay tiền trong thời kỳ hôn nhân của các nguyên đơn, đã trả một phần nợ gốc đến nay còn nợ là 82.500.000 đồng gốc, nhưng không thống nhất để chị K liên đới trả số tiền này. Việc ly hôn của anh U, chị K khi tự nguyện ly hôn không có ý kiến của chị K và bà Ng nên nay chị Tr, bà Ng không đồng ý cho anh U tự chịu trách nhiệm trả nợ mà buộc mỗi bên anh U, chị K trả một nữa số tiền 82.500.000 đồng là có căn cứ chấp nhận. Vì trong quyết định công nhận sự thuận tình ly hôn không có người liên quan là chủ nợ là chị Tr, bà Ng thống nhất cho anh U tự chịu trách nhiệm trả nợ cho chị Tr, bà Ng nên đề nghị Hội Đồng xét xử căn cứ theo quy định khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 11, Điều 463 Bộ luật dân sự 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Về án phí: buộc anh U, chị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng: Bà Thái Thị Ng và chị Thái Tr Tr khởi kiện yêu cầu anh Lê Văn U và chị Huỳnh Ngọc K liên đới giao trả số tiền vay còn nợ nên đây là tranh chấp về giao dịch dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 của

Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị K, anh U có địa chỉ cư trú tại huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang nên theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Anh Lê Văn U với tư cách là bị đơn trong vụ kiện, Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng đã

[2] Về nội dung vụ án:

Bà Thái Thị Ng và chị Thái Tr Tr khởi kiện buộc anh Lê Văn U và chị Huỳnh Ngọc K cùng liên đới giao trả cho bà và chị số nợ vay gốc còn nợ là 82.500.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Xét yêu cầu khởi kiện của chị Tr và bà Ng, Hội đồng xét xử xét thấy: quá trình giải quyết vụ án cũng như căn cứ vào ý kiến trình bày của phía bị đơn là chị K và anh U thì cả hai đương sự thừa nhận vào ngày 24 tháng 8 năm 2016, anh chị có hỏi vay của bà Ng và chị Tr số tiền là 100.000.000 đồng hai bên có làm biên nhận. Tại tờ biên nhận anh chị có ký tên và thể hiện người giao tiền là chị Tr và người chứng kiến là bà Ng nhưng thực chất số tiền trên anh chị hỏi vay của bà Ng. Tuy nhiên, phía chị K không đồng ý chịu trách nhiệm trả khoản vay trên. Lý giải cho phần ý kiến phản đối của mình, chị K cho rằng tại thời điểm chị và anh U ly hôn, chị và anh U có thỏa thuận là anh U sẽ chịu trách nhiệm trả toàn bộ số nợ trên cho bà Ng và phía anh U cũng đã thực hiện nghĩa vụ trả một phần nợ với số tiền là 17.500.000 đồng cho bà Ng. Trái với ý kiến của chị K, phía bà Ng và chị Tr xác định không có sự thỏa thuận về việc đồng ý anh U tự chịu trách nhiệm trả số nợ trên và tại thời điểm anh U và chị K ly hôn, việc thoả thuận trả nợ là giữa chị K và anh U tự thực hiện, bà Ng và chị Tr không biết và không có văn bản nào chứng minh rằng bà Ng và chị K đồng ý để anh U chịu toàn bộ trách nhiệm trả số nợ trên. Việc anh U góp trả cho bà hàng tháng 500.000 đồng thì bà nhận không có nghĩa là bà đồng ý cho anh U trả. Mặc khác, tại Quyết định thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự số 162/2018/QĐST – HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2018, không có giải quyết về tài sản và nợ chung nên đối với khoản nợ trên chưa được Toà án giải quyết bằng một quyết định có hiệu lực pháp luật, nên bà Ng và chị Tr khởi kiện chị K và anh U cùng liên đới chịu trách nhiệm trả tiền vay còn nợ là có cơ sờ. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Toà hôm nay, các đương sự thừa nhận với nhau anh U và chị K nợ bà Ng và chị Tr số tiền gốc là 82.500.000 đồng, không tính lãi. Vì vậy áp dụng quy định tại khoản 4 Điều 11, Điều 280, Điều 288, Điều 351, Điều 357, Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015, có đủ căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh U và chị K mỗi người chịu trách nhiệm trả cho bà Ng và chị Tr số tiền vay gốc là 41.250.000 đồng.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thái Thị Ng và chị Thái Tr Tr do rút lại yêu cầu buộc chị K – anh U trả số tiền vay là 17.500.000 đồng.

Kể từ ngày bà Ng và chị Tr có đơn yêu cầu thi hành án, anh U- chị K chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì anh U- chị K còn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả

tương ứng với số tiền chậm thi hành theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ng chị Tr được chấp nhận nên chị K, anh U mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của số tiền buộc phải trả 41.250.000 đồng x 5% = 2.062.500 đồng.

Hoàn trả lại cho chị Tr tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.500.000 đồng theo biên lai thu tiền 007887 ngày 08/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 11, Điều 280; Điều 288, Điều 463, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; xử:

1.Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Thái Thị Ng và chị Thái Tr Tr.

Buộc anh Lê Văn U, chị Huỳnh Ngọc K mỗi người chịu trách nhiệm trả cho bà Thái Thị Ng và chị Thái Tr Tr số tiền là 41.250.000 đồng (bốn mươi mốt triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng)

Kể từ ngày bà Ng, chị Tr có đơn yêu cầu thi hành án; chị K, anh U chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì chị K, anh U phải chịu lãi chậm trả tương ứng với số tiền chậm thi hành theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.Về án phí dân sự sơ thẩm

Buộc chị Huỳnh Ngọc K, anh Lê Văn U mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.062.500 đồng (hai triệu không trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng)

Hoàn trả lại cho chị Tr tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.500.000 đồng theo biên lai thu tiền 007887 ngày 08 tháng 3 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể, đương sự có mặt được tính kể từ ngày tuyên án (Ngày 21-7-2023); đương

sự vắng mặt được tính từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b, 7d và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Thi hành án dân sự huyện;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Cẩm Hương